TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17/6/2025
V/v: Tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Nhơn.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Văn Thanh**

Ông **Nguyễn Văn Hiền**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Trần Hồng Nhung -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 187/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025, các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Nguyễn Trung Đ**, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp TĐ, xã ĐTg, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Bị đơn*: Chị **Võ Thị Ngọc H**, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp PT, xã PN, huyện CL tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 09/4/2025 và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Trung Đ trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Võ Thị Ngọc H chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn ngày 20/4/2011 tại Ủy ban nhân xã ĐT, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên cải vả. Chị H đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2011 và vợ chồng ly thân cho đến nay, không còn liên lạc gì với nhau. Nay xét thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống nên anh yêu cầu ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung tên Nguyễn Duy C, sinh ngày 17/11/2011. Khi cháu C được 12 ngày tuổi thì chị H đã bỏ về nhà mẹ ruột sống, anh chăm sóc nuôi dưỡng cháu C cho đến nay. Hiện tại cháu C bị bệnh động kinh, cháu không được minh mẫn, không đi học được, mọi sinh hoạt phải do anh chăm sóc, cháu được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng. Nay ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu C, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn chị Võ Thị Ngọc H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, tuy nhiên chị H không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trung Đg và vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Võ Thị Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham dự phiên tòa, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn".

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trung Đ, xét thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Trung Đ và chị Võ Thị Ngọc H chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn ngày 20/4/2011 tại Ủy ban nhân xã ĐT, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre nên được công nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo anh Đ trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên cải vả. Chị H đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2011 cho đến nay giữa anh và chị H không còn liên lạc gì với nhau.

Bị đơn chị Võ Thị Ngọc H vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của anh Đ, không tham gia các phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, qua đó cho thấy chị H không có mong muốn hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: " Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau". Thế nhưng, giữa anh Đ và chị H đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống và không còn chung sống với nhau đã lâu. Xét thấy, hôn nhân giữa anh Đ và chị H đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh Đ yêu cầu được ly hôn với chị H là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Anh Đ và chị H có 01 con chung tên Nguyễn Duy C, sinh ngày 17/11/2011. Khi cháu C được 12 ngày tuổi thì chị H đã bỏ về nhà mẹ ruột sống, anh Đ là người chăm sóc nuôi dưỡng cháu C cho đến nay. Cháu C bị bệnh động kinh từ nhỏ, không được minh mẫn, không đi học được, mọi sinh hoạt của cháu C phải do anh chăm sóc, cháu được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng. Xét thấy, từ lúc anh Đ và chị H sống ly thân, cháu C sống với Đ, được anh Đ chăm sóc tốt. Hội đồng xét xử giao cháu C cho anh Đ được tiếp tục nuôi dưỡng.

[3.3] Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.5] Về nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn anh Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trung Đ.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Trung Đ được ly hôn với chị Võ Thị Ngọc H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Duy C, sinh ngày 17/11/2011 cho anh Nguyễn Trung Đ tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị Võ Thị Ngọc Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Trung Đphải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Trung Đ đã nộp 300.000đồng tạm ứng phí theo biên lai thu số 0003186 ngày 09/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Tiền Giang, do đó xem như đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Trung Đ có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Võ Thị Ngọc H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục THADS huyện CL;
- UBND xã ĐTg, H.BĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Nhơn